

# Unit 5. Can you swim?

## SPEAKING

Act as..... / Đóng vai.....

1.

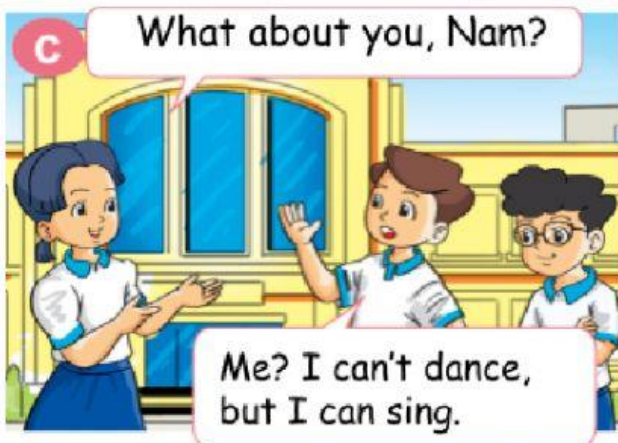
P31/L1/A1

Act as.....

Nam:

Phong:

Mai:




2.

P31/L1/A1

Act as.....


Tony:

Mai:


Mai:	What can you do?	
Tony:	I can draw. Look at this!	
Mai:	Oh, what a nice picture!	

P31/L1/A3

Act as.....		Nam:	Mai:
Mai:	What can you do?		
Nam:	I can cycle.		
Mai:	Cycle? Let's cycle together in the park.		

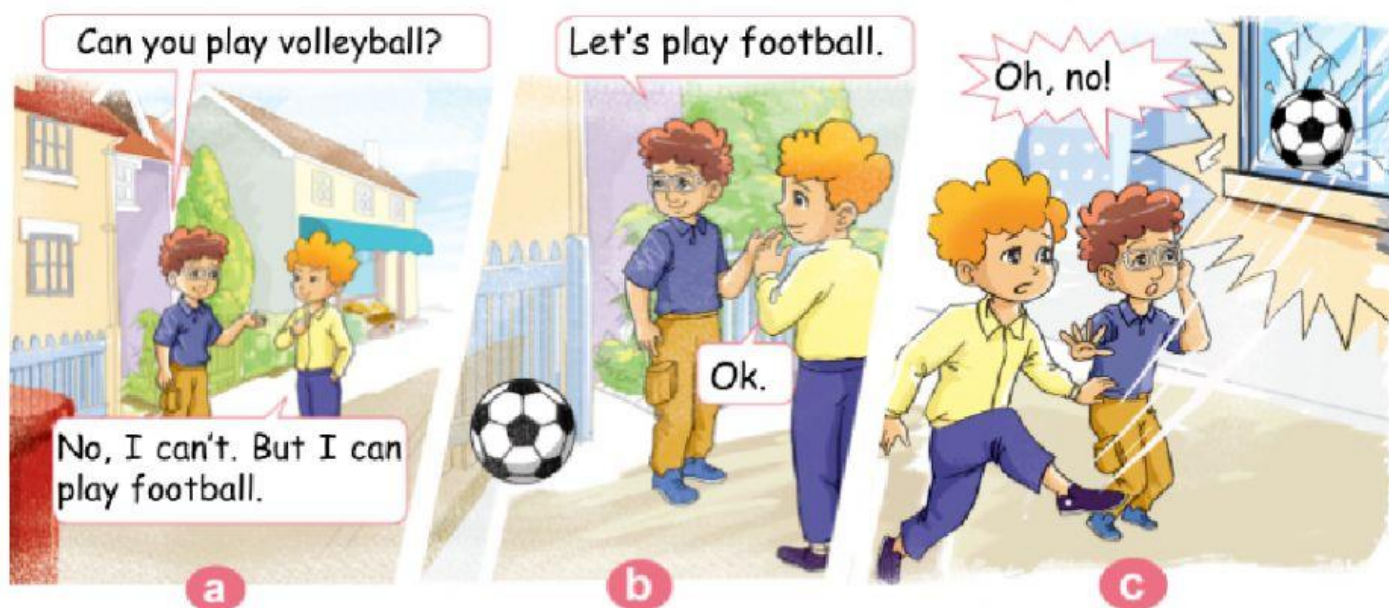


P31/L1/A3

Act as.....		Akiko:	Mai:
Mai:	How old are you?		
Akiko:	I'm nine years old.		
Mai:	What can you do?		
Akiko:	I can skate.		
Mai:	Oh, really? It's wonderful.		


P31/L1/A1

Act as.....	Peter:	Tom:
-------------	--------	------




6.

P33/L2/A4/No1

Act as.....		Nam:	Mai:
Mai:	Can you play table tennis?		
Nam:	Yes, I can. It's my favourite sport.		
Mai:	Let's play it together.		
Nam:	OK.		


7.

P33/L2/A4/No2

Act as.....		Tom:	Tony:
Tony:	Can you play the guitar?		
Tom:	No, I can't.		
Tony:	What about the piano? Can you play the piano?		
Tom:	Yes, I can.		


8.

P33/L2/A4/No3

Act as.....		Peter:	Tom:
Tom:	Let's play chess.		
Peter:	Sorry, I can't.		
Tom:	What about football? Can you play football?		
Peter:	Yes, I can.		

9.

P33/L2/A4/No4

Act as.....		Phong:	Mai:
Mai:	Do you like music?		
Phong:	Yes, I do.		
Mai:	Can you dance?		
Phong:	No, I can't. I can't dance, but I can sing.		

10.

Hi. My name is Mai . I like music very much . I can sing and dance, but I can't play the piano . My friends are Phong and Nam . Phong can play badminton, but he can't play football . Nam can play chess but he can't swim .

11.


**\*NOTE**

• look	nhìn
• really	thực sự
• nice	đẹp
• me	tôi
• Me?	Tôi á?
• twinkle	lấp lánh
• little	nhỏ bé
• star(s)	ngôi sao
• wonder	tự hỏi
• look at...	nhìn vào...
• this	cái này
• What + a/an + tính từ + DT SI!	(dùng để khen cái gì đó)
• What a nice picture!	Bức tranh đẹp quá!
• Cycle?	Đạp xe á?
• Let's....	Hãy...
• together	nhau, cùng nhau, với nhau
• park	công viên
• Really?	Thật á?
• wonderful	tuyệt vời

• Let's.....	Hãy.....
• OK = Okay	Được
• Oh no!	Ôi không!
• my	của tôi
• favourite/favorite	yêu thích
• sport(s)	môn thể thao
• What about...?	Thế còn...thì sao?